

Số: 110/BVSN-KD  
V/v mời chào giá Hóa chất sử dụng cho  
máy đông máu của Bệnh viện Sản Nhi  
tỉnh Quảng Ninh lần 2.

Quảng Ninh, ngày 07 tháng 03 năm 2023

Kính gửi: - Sở Y tế Quảng Ninh  
- Các đơn vị quan tâm

Căn cứ Văn bản số 5888/BYT-TB-CT ngày 29/10/2020 của Bộ Y tế về việc hướng dẫn triển khai đấu thầu trang thiết bị y tế theo Thông tư 14/2020/TT-BYT;

Căn cứ Quyết định số 260/QĐ-BVSN ngày 15/02/2023 của Bệnh viện Sản Nhi Quảng Ninh về việc ban hành quy trình thực hiện mua sắm vật tư, hóa chất, trang thiết bị y tế phục vụ hoạt động thường xuyên có giá trị từ 100 triệu đồng trở lên của Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Quảng Ninh;

Căn cứ Nghị quyết số 30/NQ-CP ngày 04/03/2023 của Chính phủ về việc tiếp tục thực hiện các giải pháp bảo đảm thuốc, trang thiết bị y tế;

Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Quảng Ninh có nhu cầu mua sắm Hóa chất sử dụng cho máy đông của Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Quảng Ninh (*Chi tiết theo phụ lục 1 đính kèm*).

Kính mời các đơn vị quan tâm, có khả năng cung cấp vật tư, hóa chất nêu trên báo giá và cung cấp thông tin theo mẫu tại phụ lục 2.

Thời gian nhận báo giá: Từ ngày 07/03/2023 đến trước 16 giờ 00 ngày 13/03/2023.

Địa điểm nhận báo giá: Khoa Dược – Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Quảng Ninh (*Địa chỉ: khu Minh Khai, phường Đại Yên, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh*).

Điện thoại liên hệ: 02033.696568

Bệnh viện xin trân trọng thông báo./.

**Nơi nhận:**

- Nt (Phê duyệt);
- Lưu: VT, KHTH.

**GIÁM ĐỐC**

**Bùi Minh Cường**

## PHỤ LỤC 1

(Kèm theo Thư mời ngày 07/03/2023 của Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Quảng Ninh)

STT	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật tham khảo	Đơn vị tính	Số lượng
1	Hóa chất đo thời gian PT	Sử dụng để xác định thời gian prothrombin (PT), thành phần chứa thromboplastin nhau thai người (<60g/l), Calcium Chloride (khoảng 1/5g/l) và chất bảo quản gentamicin (0.1g/L), 5-chloro-2-methyl-4-isothiazol-3-one và 2-methyl-4-isothiazol-3-one (<15mg/L). Tiêu chuẩn ISO13485	Hộp	125
2	Hóa chất đo thời gian APTT dùng cho máy đông máu CA600/CA620/CA660	Sử dụng để xác định thời gian thromboplastin hoạt hoá từng phần (APTT), thành phần chứa phosphatides não thỏ và đậu nành tinh khiết trong 1 x 0,0001 acid ellagic, chất đệm và chất ổn định. Tiêu chuẩn ISO13485	Hộp	125
3	Hoá chất xét nghiệm nồng độ Fibrinogen	Sử dụng để định lượng fibrinogen trong huyết tương. Dạng bột đông khô, thành phần chứa thrombin có nguồn gốc từ bò khoảng 100 IU/ml. Tiêu chuẩn ISO13485	Hộp	250
4	Hóa chất bổ sung Calcium cho xét nghiệm thời gian Thromboplastin hoạt hóa từng phần	Là dung dịch đệm trong xét nghiệm đông máu. Đóng gói dạng lỏng dung dịch Calcium chloride 0,025mol/L. Tiêu chuẩn ISO13485	Hộp	18
5	Hóa chất kiểm tra chất lượng đông máu mức 1	Sử dụng để kiểm chuẩn ở dài bình thường cho các xét nghiệm APTT, PT, TT, fibrinogen, ATIII, Batroxobin/reptilase time. Dạng bột đông khô, có nguồn gốc từ huyết tương người chống đông citrat. Tiêu chuẩn ISO13485	Hộp	20
6	Hóa chất kiểm tra chất lượng đông máu mức 2	Sử dụng để kiểm chuẩn các xét nghiệm đông máu ở dài điều trị chống đông đường uống từ mức trung bình tới mức cao, giá trị được cung cấp cho các xét nghiệm APTT, PT. Đóng gói dạng bột đông khô, có nguồn gốc từ huyết tương người chống đông citrat. Tiêu chuẩn ISO 13485	Hộp	20
7	Hoá chất cung cấp dài tham chiếu cho xét nghiệm đông máu mức bất thường	Sử dụng để kiểm chuẩn dài bệnh lý cho các xét nghiệm APTT, PT, Fibrinogen, các yếu tố đông máu, các chất ức chế, Plasminogen. Control P được ổn định với dung dịch chất đệm HEPES (12g/L) và làm đông khô. Tiêu chuẩn ISO 13485	Hộp	10
8	Hoá chất sử dụng để hiệu chuẩn cho hầu hết các xét nghiệm đông máu	Được sử dụng để hiệu chuẩn các xét nghiệm sau: PT, Fibrinogen, yếu tố II, V, VII, IX, X, XI, XII, XIII và vWF, Chất ức chế: Antithrombin III, protein C, protein S, alpha2 - antiplasmin, chất ức chế C1, Total Complement activity, Plasminogen. Standar human Plasma có chứa huyết tương được chống đông bằng Citrate từ máu người. Standar human Plasma được ổn định với dung dịch đệm HEPES (12g/L) và đông khô. Độ ổn định sau khi hoàn nguyên: ở nhiệt độ từ +15 tới +25 °C: 4 giờ, ở nhiệt độ ≤-20 °C: 4 tuần. Tiêu chuẩn ISO13485	Hộp	1
9	Chất chuẩn máy đông máu mức bình thường	Sử dụng để kiểm chuẩn dài bình thường cho các xét nghiệm APTT, PT, TT, batroxobin time, Fibrinogen, các yếu tố đông máu, các chất ức chế, Plasminogen, kháng đông lupus, Protein. Độ ổn định sau hoàn nguyên: 4 giờ khi bảo quản ở +15 tới +25 °C, 4 tuần ở khi bảo quản ở ≤ -20 °C. Tiêu chuẩn ISO13485	Hộp	10

10	Dung dịch rửa có tính kiềm	Hóa chất rửa trên hệ thống máy đông máu tự động. Dung dịch có tính kiềm, nồng độ Sodium hypochlorite 1%. Tiêu chuẩn ISO13485	Hộp	180
11	Dung dịch rửa có tính axit	Hóa chất rửa trên hệ thống máy đông máu tự động. Dung dịch có tính axit, nồng độ Hydrochloric acid 0.16%, non-ionic surfactant 0,50%. Độ ổn định sau mở nắp: 2 tháng khi bảo quản ở 5 tới 35°C. Tiêu chuẩn ISO13485	Hộp	15
12	Hóa chất đệm cho đông máu	Là dung dịch đệm trong xét nghiệm đông máu, hành phần gồm sodium bardedital 2.84 x 0,01M và sodium chloride 1.25 x 0.1M, pH 7.35 ± 0.1. Độ ổn định của hóa chất sau mở nắp: 8 tuần khi bảo quản ở +2 tới 8°C. Tiêu chuẩn ISO13485	Hộp	15
13	Cốc phản ứng	Ống phản ứng được dùng để đựng mẫu và hóa chất trên máy phân tích đông máu, sử dụng phù hợp cho máy đông máu CA. Tiêu chuẩn ISO13485	Túi	40

**Tên đơn vị báo giá**

**Email:**.....

**PHỤ LỤC 2**  
**BÁO GIÁ VẬT TƯ Y TẾ**

Công ty xin gửi tới quý cơ quan/đơn vị thông tin của các mặt hàng công ty có thể cung cấp như sau:

Đơn vị tính: VNĐ

STT	Mã hàng hóa dùng chung theo quy định của BHYT(thông tư 04)	Tên hàng hóa	Tên Thương mại, Ký mã hiệu hàng hóa	Thông số kỹ thuật cơ bản	Số đăng ký lưu hành hoặc số giấy phép nhập khẩu.	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Đơn giá (VAT)	Hãng chủ sở hữu	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Nước cấp giấy chứng nhận lưu hành tự do	Phân loại TTBYT (A,B,C,D)	Phân nhóm theo TT 14/2020	Giá trúng thầu 90 ngày gần nhất				Giá kê khai theo ND 98	Mã kê khai giá theo ND98
															Giá trúng thầu	Số QĐ phê duyệt trúng thầu	Ngày QĐ phê duyệt trúng thầu	Đơn vị ra quyết định		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)
1																				
2																				
3																				

Ghi chú:

(09) là giá trọn gói bao gồm các loại thuế, phí, bảo hiểm, vận chuyển, giao hàng tại kho Bệnh viện.

Báo giá này có hiệu lực.....kể từ ngày ký

Ngày.....tháng.....năm.....

Đại diện hợp pháp của đơn vị báo giá  
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]